FireAnt

CTCP Sơn Hà Sài Gòn (HSX: SHA)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	4,150
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,690
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,970
SL cổ phiếu LH	33,446,675
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,595
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	139
P/E	9.6
EPS	431

	YTD	1T	3T	6T
SHA	0.5%	-1.2%	-4.8%	-4.4%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

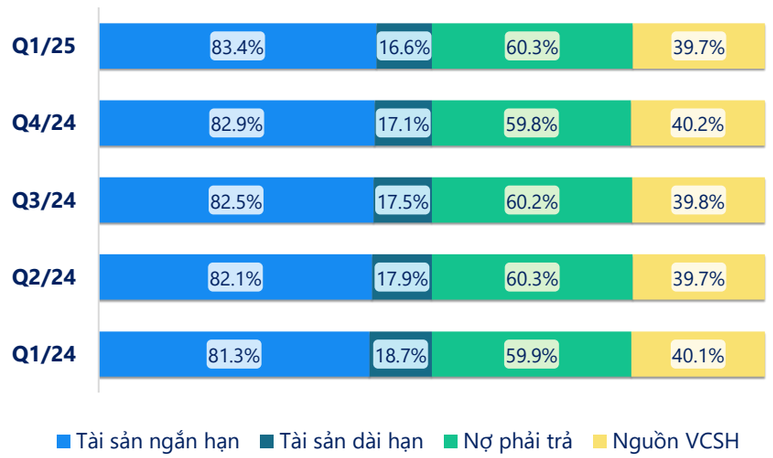

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

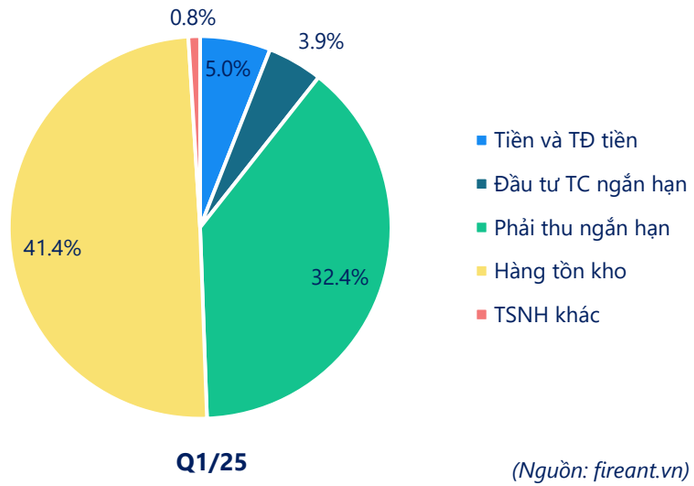

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

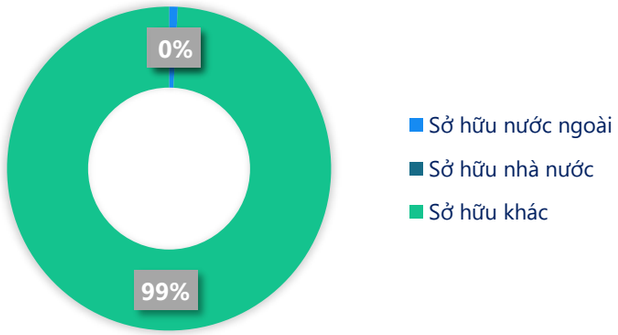

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

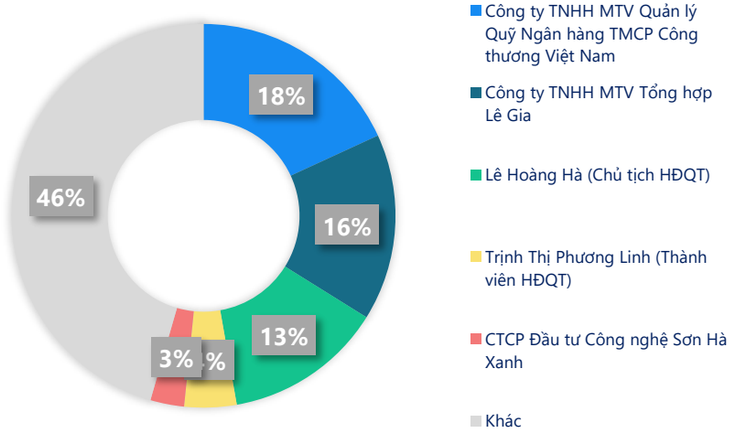

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

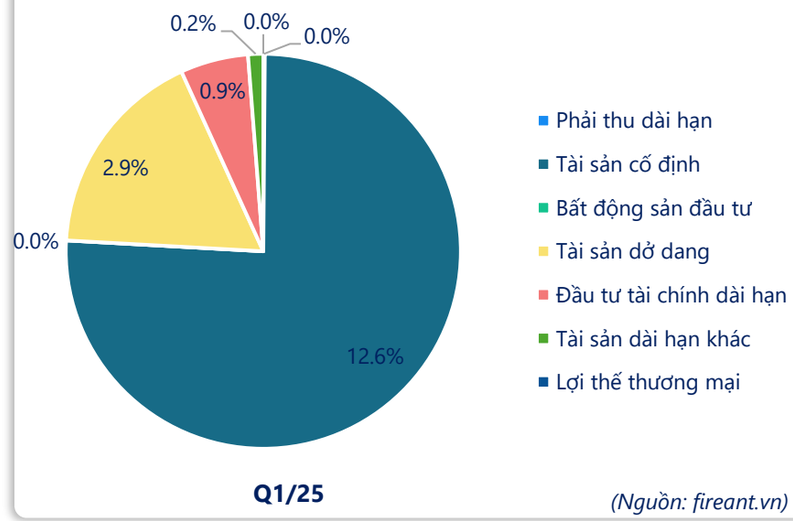

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Sơn Hà Sài Gòn (HSX: SHA)

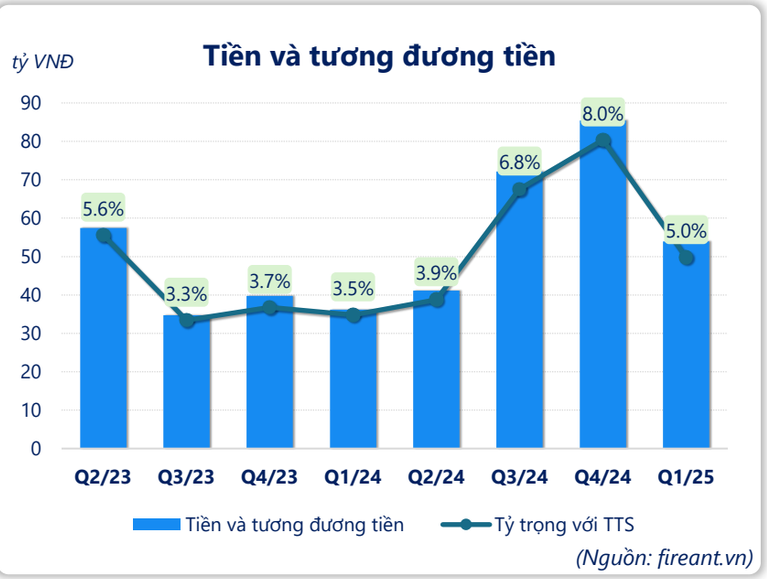

(Nguồn: fireant.vn)

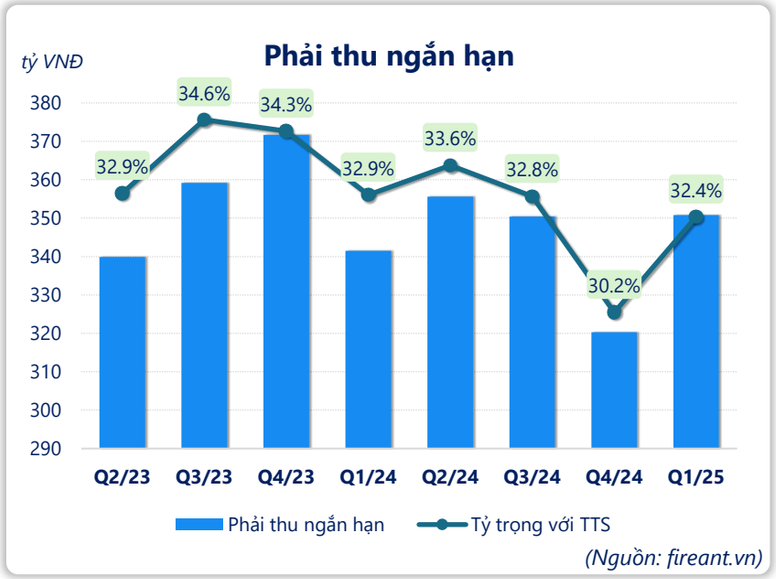

(Nguồn: fireant.vn)

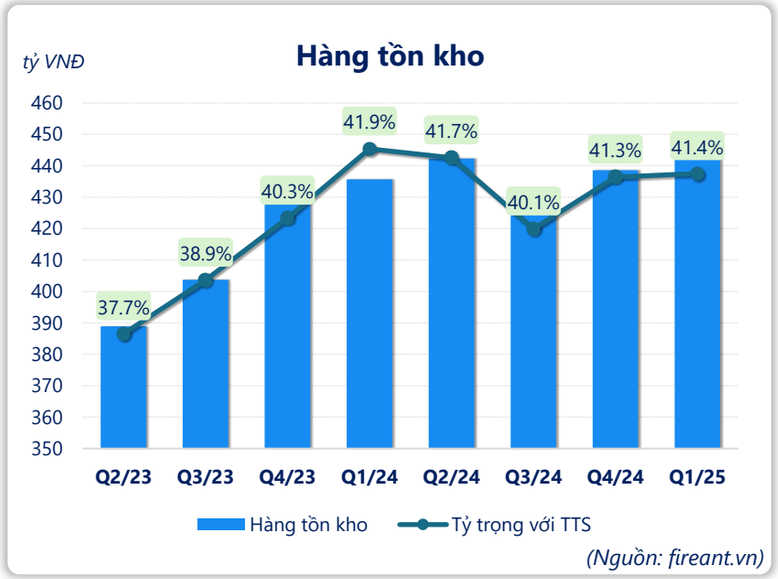

(Nguồn: fireant.vn)

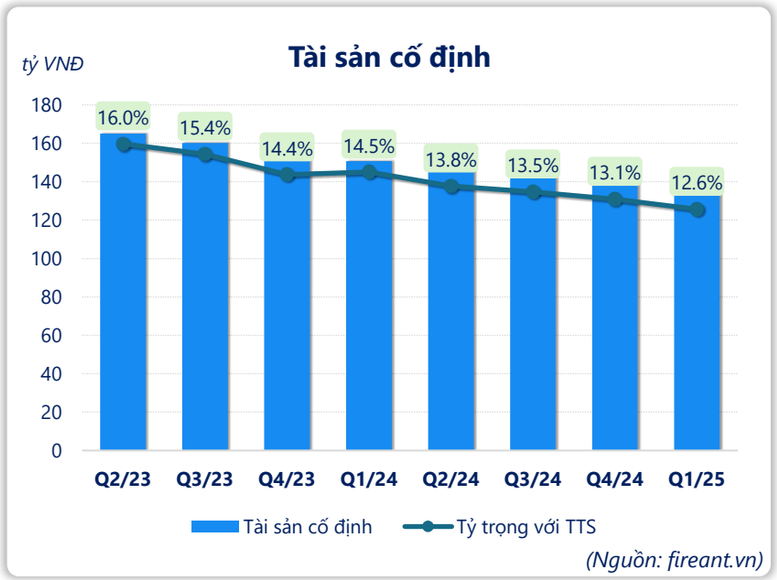

(Nguồn: fireant.vn)

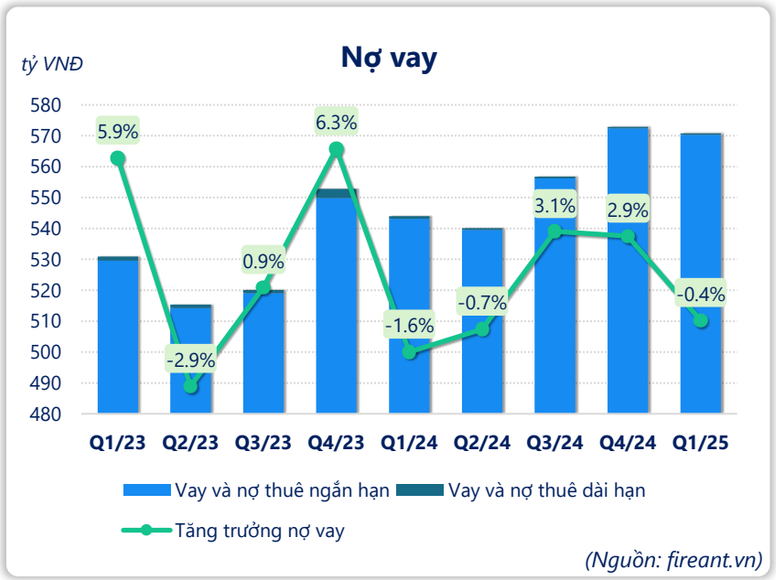

(Nguồn: fireant.vn)

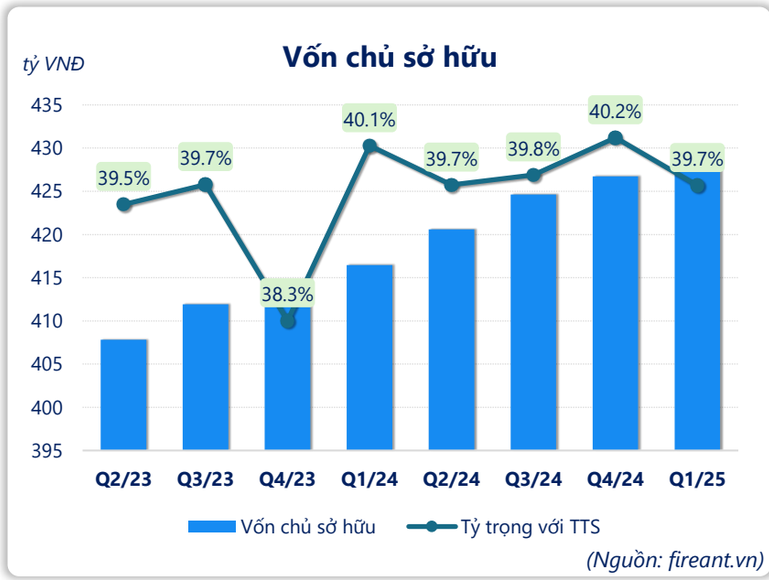

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Sơn Hà Sài Gòn (HSX: SHA)

Kết quả kinh doanh

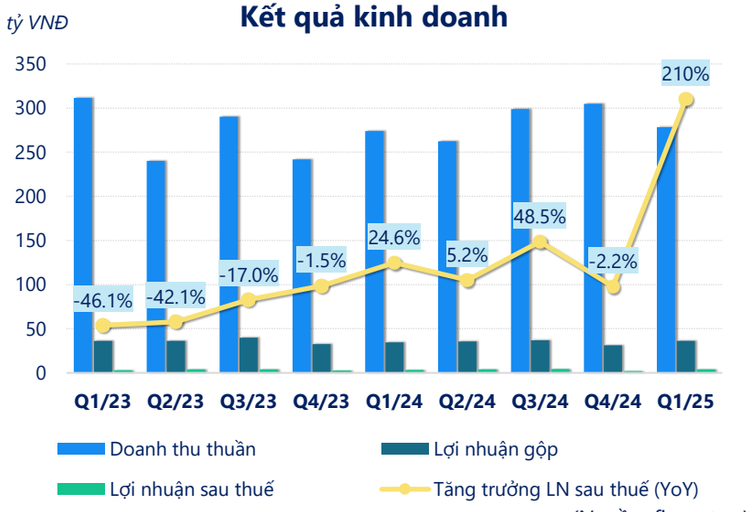

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

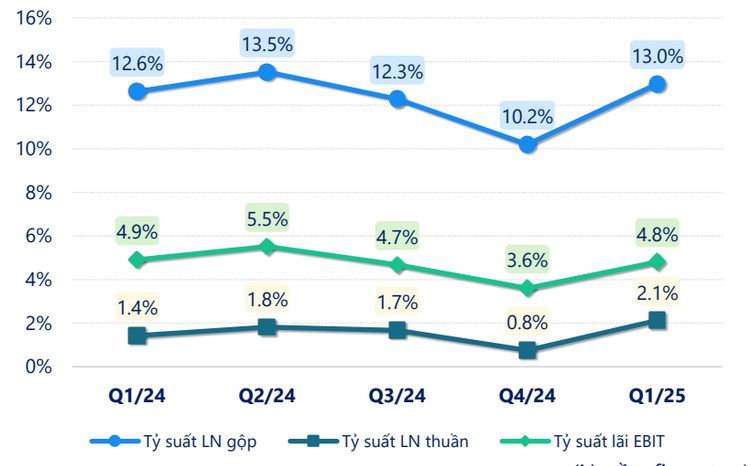

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

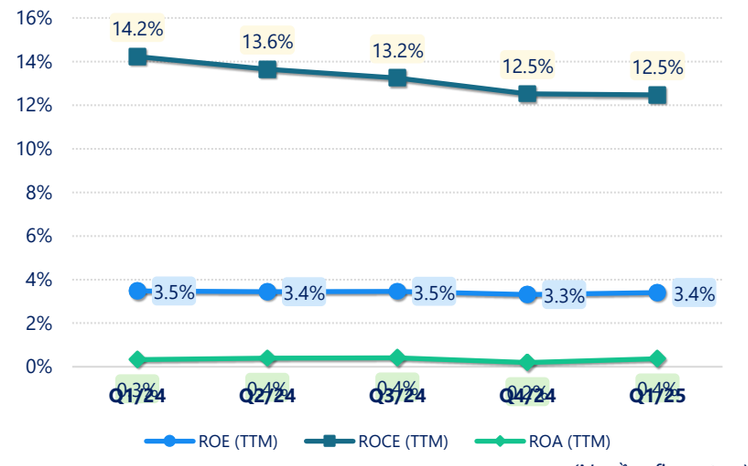

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

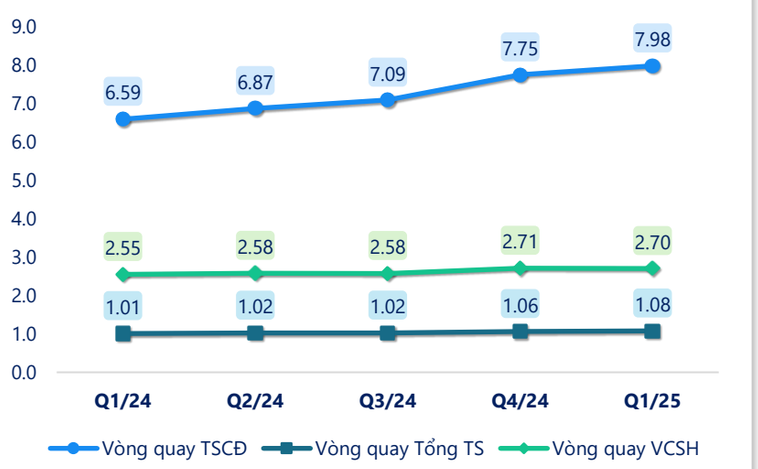

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

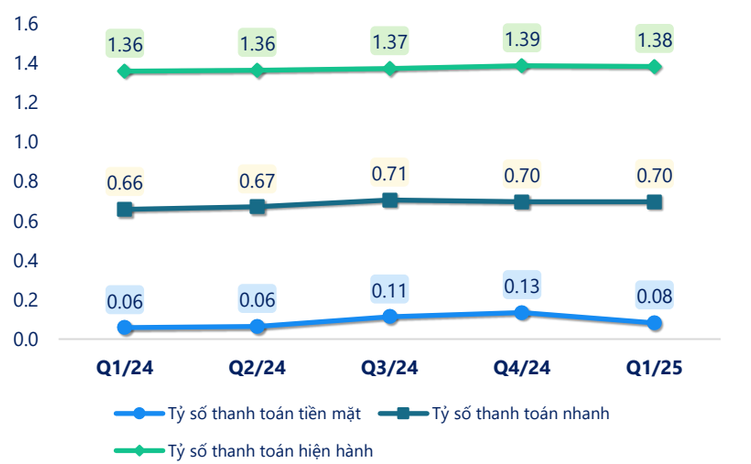

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

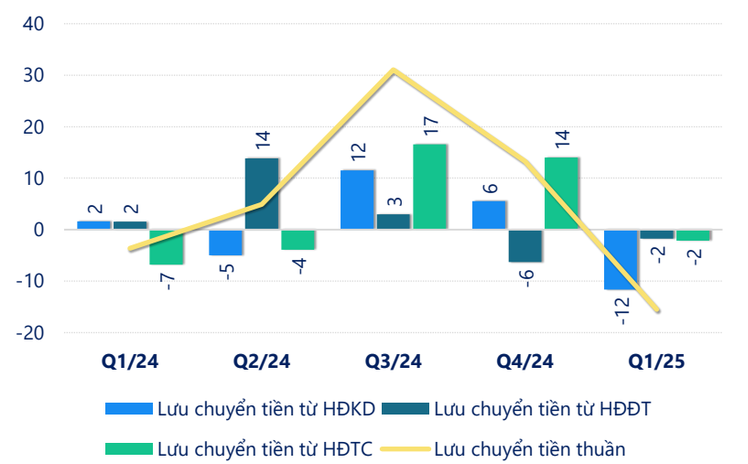

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Sơn Hà Sài Gòn (HSX: SHA)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,084**	**1,059**	**2.4%**
Tài sản ngắn hạn	904	877	3.1%
Tiền và tương đương tiền	53.9	69.4	-22.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	42.2	42.2	0.0%
Phải thu ngắn hạn	351	314	11.6%
Hàng tồn kho	448	440	1.8%
Tài sản ngắn hạn khác	8.90	10.3	-13.6%
Tài sản dài hạn	**180**	**182**	**-1.2%**
Phải thu dài hạn	0.22	0.25	-12.0%
Tài sản cố định	136	139	-2.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	31.1	31.0	0.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	10.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.23**	**1.68**	**32.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	654	632	3.4%
Nợ ngắn hạn	**654**	**632**	**3.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	570	572	-0.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	65.9	37.1	77.5%
Nợ dài hạn	0.27	0.74	-63.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.45	0.51	-10.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**430**	**426**	**0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**430**	**426**	**0.9%**
Vốn điều lệ	334	334	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	274	263	299	305	278
Giá vốn hàng bán	239	227	262	274	242
Lợi nhuận gộp	34.6	35.5	36.7	31.1	36.1
Doanh thu HĐTC	1.29	2.59	1.09	3.70	2.46
Chi phí TC	9.49	9.63	8.95	8.60	7.85
Chi phí lãi vay	9.47	9.64	8.95	8.51	7.85
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	16.6	17.8	18.2	18.5	18.8
Chi phí QLDN	5.91	5.91	5.67	5.45	6.00
LN thuần từ HĐKD	3.92	4.79	4.99	2.30	5.93
Lợi nhuận khác	0.05	0.05	0.06	0.18	-0.38
LN trước thuế	3.97	4.84	5.05	2.48	5.55
Lợi nhuận sau thuế	3.39	4.14	4.32	2.09	3.88
LNST của CĐ cty mẹ	3.39	4.14	4.32	2.09	3.88

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.63	-5.00	11.5	5.53	-11.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.58	13.8	2.98	-6.28	-1.72
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.80	-3.92	16.6	14.0	-2.13
Tiền đầu kỳ	39.8	36.2	41.1	72.1	69.4
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.59**	**4.90**	**31.1**	**13.3**	**-15.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	36.2	41.1	72.1	85.4	53.9

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic